

# BÀN VỀ ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÍ TRONG LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ NĂM 2005

THS. VŨ THỊ HẢI YẾN\*

Với chức năng là những dấu hiệu được sử dụng để chỉ dẫn sản phẩm hàng hóa đến từ khu vực địa lí đặc biệt, chỉ dẫn địa lí là các dấu hiệu mang thông tin về nguồn gốc địa lí của sản phẩm. Chỉ dẫn địa lí có thể là tên địa phương, vùng, khu vực hoặc quốc gia cụ thể, xác định sản phẩm đến từ khu vực địa lí đặc biệt; chỉ dẫn địa lí còn bao gồm cả những dấu hiệu như biểu tượng, hình ảnh để chỉ nơi hàng hóa được sản xuất ra. Chỉ dẫn địa lí được bảo hộ nếu đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 79 Luật sở hữu trí tuệ.

## 1. Về điều kiện sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí có nguồn gốc địa lí từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lí

Có nguồn gốc từ khu vực địa lí được hiểu là sản phẩm phải được sản xuất, gia công, chế biến từ vùng địa lí đó. Nền tảng cho việc bảo hộ chỉ dẫn địa lí là chất lượng và uy tín của sản phẩm. Yếu tố quan trọng nhất là sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí phải liên quan đến khu vực địa lí đặc biệt mà nếu sản phẩm được sản xuất tại khu vực địa lí khác sẽ không bảo đảm được chất lượng, uy tín như vậy. Thông thường, việc tạo ra sản phẩm phải trải qua rất nhiều bước, công đoạn. Vậy có cần toàn bộ quy trình sản xuất, chế biến cho đến khi tạo ra thành phẩm để đưa ra thị trường phải được tiến hành tại khu vực địa lí đó không hay chỉ một số công đoạn nhất định? Vậy, những công đoạn nào là bắt buộc phải được thực

hiện tại khu vực địa lí đó?

Như trường hợp nước mắm Phú Quốc - sản phẩm đã được bảo hộ tên gọi xuất xứ đầu tiên ở Việt Nam. Theo bản thuyết minh đặc thù chất lượng của nước mắm Phú Quốc, mặc dù các công đoạn từ sản xuất cho đến đóng chai đều được tiến hành tại khu vực đảo Phú Quốc nhưng cá để sản xuất nước mắm được đánh bắt không chỉ thuộc khu vực đảo Phú Quốc mà còn mở rộng đến vùng biển khác thuộc các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang. Mặc dù nguồn cá nguyên liệu để sản xuất nước mắm là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến tính chất, chất lượng của sản phẩm nước mắm, tuy nhiên, do đặc tính di chuyển tự nhiên của hải sản cũng như điều kiện chung về khí hậu vùng biển ở khu vực này, sẽ bất hợp lí khi cho rằng cá đánh bắt tại đảo Phú Quốc có chất lượng khác biệt so với cá đánh bắt tại các vùng biển khác của Kiên Giang hay Cà Mau. Đó là chưa kể đến những nguyên liệu phụ trợ như muối để ướp cá cũng được mang đến từ những nơi khác. Thêm nữa, khi những ngư dân của Phú Quốc đi đánh bắt xa bờ ngoài khu vực đảo Phú Quốc, để bảo đảm chất lượng cá sau khi đánh bắt, họ phải tiến hành ủ chượp ngay trên hầm tàu. Như vậy, công đoạn này có thể thực hiện ở bất cứ đâu chứ không chỉ tại vùng biển đảo

\* Giảng viên Khoa luật dân sự  
Trường Đại học Luật Hà Nội

Phú Quốc. Trong khi đó, công đoạn đóng gói dường như không phải là công đoạn có ý nghĩa quyết định đến chất lượng của các sản phẩm khác nhưng với trường hợp nước mắm Phú Quốc, các cơ quan có thẩm quyền (Bộ thủy sản trước đây và Cục sở hữu trí tuệ) đều thống nhất quan điểm chỉ có nước mắm Phú Quốc được đóng chai trên đảo mới được mang chỉ dẫn này. Lí do là nếu nước mắm được vận chuyển rồi đóng chai ở nơi khác có thể ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm này.

Mỗi sản phẩm, hàng hóa có đặc thù và những đòi hỏi khác nhau về chất lượng; các bước tiến hành quy trình sản xuất cũng có ảnh hưởng khác nhau đối với các sản phẩm. Thông thường, đối với những sản phẩm được chế biến, sản xuất thì nguyên liệu dùng để chế biến, sản xuất ra hàng hóa là yếu tố quan trọng tạo nên chất lượng sản phẩm. Có những sản phẩm mà nguyên liệu dùng để chế biến, sản xuất rất đặc biệt nên không thể thay thế bằng nguyên liệu khai thác từ các vùng khác. Trong khi đó, có những sản phẩm mà nguyên liệu có thể khai thác từ những địa phương khác nhau nhưng phương pháp chế biến mới là yếu tố quyết định tạo nên tính chất đặc biệt của sản phẩm. Quá trình sản xuất sản phẩm bao gồm nhiều bước, công đoạn nhưng không phải mọi công đoạn để tạo ra sản phẩm đều ảnh hưởng đến chất lượng, uy tín của sản phẩm. Có những công đoạn có thể thực hiện ở nơi khác ngoài khu vực địa lí đó mà hoàn toàn không làm ảnh hưởng đến chất lượng, đặc tính của sản phẩm. Nhưng cũng có những công đoạn đặc biệt phải được tiến hành tại khu vực địa lí đã xác định.

Nếu so sánh các quy định về tên gọi xuất

xứ hàng hóa và chỉ dẫn địa lí trong các điều ước quốc tế và pháp luật một số nước, chúng ta có thể thấy đối với tên gọi xuất xứ hàng hóa, yêu cầu về mối liên hệ giữa sản phẩm với xuất xứ địa lí chặt chẽ hơn so với chỉ dẫn địa lí. Theo Quy chế 2081/92 năm 1992 của Liên minh châu Âu trước đây, cũng như Quy chế 510/2006 năm 2006 hiện nay,<sup>(1)</sup> điều kiện đối với sản phẩm mang tên gọi xuất xứ được bảo hộ ở Liên minh châu Âu là toàn bộ quá trình sản xuất, chế biến từ nguyên liệu thô cho đến khâu cuối cùng để đưa sản phẩm ra thị trường đều phải được tiến hành tại khu vực địa lí đó, trong khi chỉ dẫn địa lí chỉ cần một hoặc một số công đoạn chuẩn bị, chế biến hoặc sản xuất sản phẩm được tiến hành tại khu vực đó (Điều 2 Quy chế 510/2006). Theo Quy chế về bảo hộ sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí của Trung Quốc năm 2005, sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí bao gồm những sản phẩm được trồng trọt, chăn nuôi, phát triển ở khu vực địa lí mà nó chỉ dẫn; những sản phẩm hoàn toàn bao gồm những nguyên liệu thô bắt nguồn từ khu vực địa lí đó hoặc những sản phẩm có phần nguyên liệu thô từ khu vực khác nhưng được sản xuất hoặc tiến hành với phương pháp kĩ thuật độc nhất (duy nhất) của khu vực đó.<sup>(2)</sup> Có thể thấy, pháp luật các nước quy định sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí phải có nguồn gốc từ khu vực mà nó chỉ dẫn nhưng không đòi hỏi toàn bộ các công đoạn tạo ra sản phẩm phải được tiến hành tại khu vực địa lí đó.

Đối với chỉ dẫn địa lí, thường không đòi hỏi mối liên hệ chặt chẽ giữa sản phẩm với xuất xứ địa lí như tên gọi xuất xứ. Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí chỉ cần có đặc tính nào đó do nguồn gốc địa lí mang lại. Theo chúng

tôi, điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lí là chỉ cần có một hoặc một số công đoạn sản xuất (như: sản xuất nguyên liệu, chế biến nguyên liệu, tạo ra sản phẩm...) có ý nghĩa quyết định đến chất lượng, uy tín của sản phẩm được tiến hành tại địa phương đó đã đủ điều kiện tạo nên đặc tính của sản phẩm mà không nhất thiết toàn bộ quy trình sản xuất được tiến hành ở đó.

Quy định hiện nay của Luật sở hữu trí tuệ về vấn đề này chưa rõ ràng và cần được bổ sung, hướng dẫn cụ thể theo hướng: “Sản phẩm được coi là có nguồn gốc địa lí từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lí khi toàn bộ hoặc một số công đoạn chính trong quy trình sản xuất có ảnh hưởng quyết định và quan trọng tạo nên và duy trì tính chất/chất lượng/danh tiếng của sản phẩm được thực hiện tại khu vực địa lí mà nó chỉ dẫn”. Người nộp đơn đăng kí chỉ dẫn địa lí trong bản mô tả tính chất, chất lượng, danh tiếng sản phẩm phải chỉ ra và chứng minh những công đoạn bắt buộc phải được thực hiện tại khu vực địa lí được chỉ dẫn và công đoạn đó quyết định đến tính chất, chất lượng hoặc danh tiếng của sản phẩm.

## **2. Về điều kiện phải tồn tại khu vực địa lí tương ứng với chỉ dẫn địa lí**

Xác định khu vực địa lí là một trong những yêu cầu quan trọng trong việc bảo hộ chỉ dẫn địa lí. Pháp luật đòi hỏi trên thực tế phải tồn tại vùng địa lí tương ứng với chỉ dẫn nêu trong đơn và sản phẩm phải có nguồn gốc từ vùng địa lí đó (Điều 45.3 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007). Điều kiện này đòi hỏi khu vực địa lí nơi sản phẩm có nguồn gốc chính là khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng

với chỉ dẫn địa lí.

Theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ, trong hồ sơ đăng kí chỉ dẫn địa lí phải có bản đồ khu vực địa lí tương ứng với chỉ dẫn địa lí. Điều 83 Luật sở hữu trí tuệ quy định: “*Khu vực địa lí mang chỉ dẫn địa lí có ranh giới được xác định một cách chính xác bằng từ ngữ và bản đồ*”. Pháp luật đòi hỏi khu vực địa lí phải được xác định ranh giới một cách chính xác bằng từ ngữ và bản đồ, vậy “khu vực địa lí” sẽ được xác định theo tiêu chí nào: theo địa giới hành chính hiện hành; theo khu vực địa lí có những điều kiện đặc thù về tự nhiên và con người hay theo khu vực thực tế sản xuất sản phẩm?

Mặc dù chỉ dẫn địa lí được bảo hộ thường là các tên địa lí - tên gọi của địa phương, vùng, khu vực, nhiều trường hợp tên địa lí hoàn toàn trùng hợp với tên của các đơn vị hành chính quốc gia như: tên thành phố, thị xã, huyện, tỉnh... tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp có sự trùng hợp hoàn toàn về tên gọi giữa chỉ dẫn địa lí và tên khu vực hành chính, việc xác định ranh giới khu vực địa lí hoàn toàn khác với việc xác định địa giới hành chính hiện hành. Nếu như việc xác định ranh giới hành chính phụ thuộc vào ý chí chủ quan của các nhà quản lí, được xác định dựa trên rất nhiều điều kiện về dân số, tự nhiên, dân cư, kinh tế, chính trị... thì ranh giới khu vực địa lí lại luôn gắn liền với các điều kiện tự nhiên khách quan vốn có tạo nên những tính chất đặc biệt cho sản phẩm. Như vậy, trong trường hợp khu vực địa lí thuộc đơn vị hành chính quốc gia thì bản đồ khu vực địa lí không thể trùng với bản đồ hành chính hiện hành. Chưa kể đến những trường hợp khu vực địa lí có thể chỉ là một

bộ phận thuộc đơn vị hành chính hoặc có thể thuộc nhiều đơn vị hành chính khác nhau.

Hiện nay Điều 43.5 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN hướng dẫn thi hành Nghị định của Chính phủ số 103/2006/NĐ-CP quy định: “*Bản đồ khu vực địa lí tương ứng với chỉ dẫn địa lí phải thể hiện đầy đủ thông tin tới mức có thể xác định chính xác vùng địa lí hội đủ các điều kiện tự nhiên tạo nên tính chất/chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm*”. Theo hướng dẫn này, bản đồ khu vực địa lí sẽ phải tương ứng với vùng địa lí hội tụ đủ các điều kiện tự nhiên tạo nên tính chất, chất lượng hoặc danh tiếng của sản phẩm. Chúng tôi đồng ý với quy định trên khi xác định khu vực địa lí là những vùng có cùng điều kiện chung về tự nhiên như khí hậu, thổ nhưỡng, chất đất... hoặc những điều kiện về con người để có thể sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí. Tuy nhiên, nếu chỉ xác định khu vực địa lí theo khu vực có cùng điều kiện địa lí thì chưa đủ vì khu vực địa lí hội tụ đầy đủ các điều kiện địa lí tự nhiên và con người chưa hẳn đã là khu vực đang tiến hành việc sản xuất, chế biến sản phẩm. Việc xác định khu vực địa lí còn phải dựa trên sự kiện thực tế là nơi sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí đang được sản xuất. *Ví dụ*, đối với chỉ dẫn địa lí Cam Vinh vừa được Cục sở hữu trí tuệ ra quyết định bảo hộ tháng 05/2007, thành phố Vinh hiện nay không phải là khu vực trồng cam mà bản đồ địa lí (do Viện quy hoạch và thiết kế nông thôn lập) được xác định theo khu vực trồng trọt tương ứng, là một số khu vực thuộc thành Vinh trước kia. Trên thực tế, khu vực địa lí với những điều kiện đặc thù để tạo nên tính chất, chất lượng của sản phẩm có thể

lớn hơn khu vực thực tế đang sản xuất sản phẩm. Quan điểm của chúng tôi là khu vực địa lí tương ứng không phải là toàn bộ khu vực hành chính hiện hành mang tên gọi đó mà chỉ bao gồm những khu vực có những điều kiện địa lí như được mô tả trong đơn và là nơi thực tế sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí được sản xuất hoặc trồng trọt.

Vì vậy, theo chúng tôi, ranh giới khu vực địa lí được xác định phải thỏa mãn hai tiêu chí:

- Là khu vực hội tụ đủ các điều kiện địa lí đặc thù (tự nhiên, con người) để tạo nên chất lượng khác biệt cho sản phẩm được sản xuất ở đây;

- Là khu vực sản xuất thực tế sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí, được cơ quan quản lí khu vực đó xác nhận.

Hiện nay, ở Việt Nam cũng như các quốc gia khác, khu vực địa lí được xác định theo ranh giới hiện tại (khu vực thực tế nơi sản phẩm được sản xuất hoặc trồng trọt...). Vậy, nếu người nộp đơn chứng minh được trong tương lai, khu vực đó sẽ được quy hoạch để sản xuất hoặc trồng trọt sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí và khu vực được quy hoạch cũng có đầy đủ các điều kiện địa lí như đã mô tả trong đơn thì việc xác định khu vực địa lí có thể theo “ranh giới tương lai” hay không?

Thực tế bảo hộ chỉ dẫn địa lí trong thời gian qua cho thấy chưa có trường hợp nào chấp nhận việc xác định khu vực địa lí theo ranh giới tương lai. Hiện nay, chỉ có giải pháp duy nhất là khi có sự thay đổi về khu vực địa lí như mở rộng vùng sản xuất sản phẩm, người có quyền nộp đơn đăng kí chỉ dẫn địa lí phải có yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ, cụ thể là sửa đổi bản đồ khu vực địa lí tương ứng với chỉ dẫn địa lí. Theo chúng

tôi, việc sửa đổi này là cần thiết để bảo vệ lợi ích cho các nhà sản xuất địa phương.

Pháp luật cũng cần hướng dẫn cụ thể hồ sơ đăng kí chỉ dẫn địa lí có thể bao gồm nhiều loại bản đồ, tùy thuộc vào mối liên hệ giữa các yếu tố địa lí và chất lượng sản phẩm. Nếu mối liên hệ về địa lí của sản phẩm phụ thuộc vào bản chất của đất đai, khí hậu... thì cần phải có bản đồ thổ nhưỡng của khu vực địa lí đó. Nếu nguyên liệu là yếu tố quan trọng, quyết định tạo nên chất lượng sản phẩm thì người nộp đơn phải có bản đồ khu vực thực tế cung cấp nguyên liệu cho sản xuất sản phẩm như: khu vực trồng trọt, chăn nuôi nguyên liệu...

### **3. Về điều kiện sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lí của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lí đó quyết định**

Điều kiện này bao hàm hai nội dung:

*Thứ nhất:* Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí phải có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu:

- Chất lượng, đặc tính: Theo khoản 2 Điều 81 Luật sở hữu trí tuệ, "*Chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí được xác định bằng một hoặc một số chỉ tiêu định tính, định lượng hoặc cảm quan về vật lí, hóa học, vi sinh và các chỉ tiêu đó phải có khả năng kiểm tra được bằng các phương tiện kĩ thuật hoặc chuyên gia với phương pháp kiểm tra phù hợp*".

Chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí có thể hiểu là tổng thể các thuộc tính bao gồm: Các chỉ tiêu, thông số kĩ thuật, các đặc trưng về cảm quan, bảo quản... cùng

với các chỉ dẫn quy trình sản xuất để xác định phẩm chất riêng biệt của sản phẩm. Những chỉ tiêu về chất lượng phải được xác định bằng các thông số có thể đo được, so sánh được phù hợp với các điều kiện kĩ thuật hiện có.

- Danh tiếng: Khoản 1 Điều 81 Luật sở hữu trí tuệ quy định: "*Danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí được xác định bằng mức độ tin nhiệm của người tiêu dùng đối với sản phẩm đó thông qua mức độ rộng rãi của người tiêu dùng biết đến và chọn lựa sản phẩm*".

+ Danh tiếng của sản phẩm có thể gắn với các yếu tố lịch sử. Để chứng minh sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí có danh tiếng nhất định, người nộp đơn đăng kí bảo hộ có thể đưa ra những dẫn chứng về nguồn gốc của sản phẩm trong lịch sử: sản phẩm tiên vua; sản phẩm gắn với các lễ hội truyền thống; bằng chứng về sự xuất hiện và phổ biến của sản phẩm từ giai đoạn nào trong lịch sử; quá trình phát triển của nghề làm sản phẩm ở khu vực địa lí đó cho đến nay...

+ Danh tiếng xuất phát từ đặc tính khác biệt của sản phẩm, nghĩa là khả năng tự phân biệt của bản thân sản phẩm với sản phẩm khác. Những sản phẩm có danh tiếng thường là những sản phẩm có chất lượng, đặc tính riêng biệt so với các sản phẩm khác cùng loại bởi qua thời gian lâu dài, sản phẩm đã được người tiêu dùng nhận biết và thừa nhận có sự khác biệt so với các sản phẩm khác.

+ Danh tiếng của sản phẩm được xác định thông qua sự hiểu biết đến sản phẩm một cách rộng rãi trong giới tiêu dùng liên quan, trong việc phân biệt sản phẩm với các sản phẩm khác cùng loại, có khả năng

kiểm chứng được. Việc xác định mức độ nhận biết của người tiêu dùng đối với sản phẩm có thể dựa trên thị phần của sản phẩm trên thị trường, qua các điều tra, khảo sát thị trường ở phạm vi địa phương, quốc gia hay quốc tế...

Khoản 2 Điều 79 Luật sở hữu trí tuệ quy định về điều kiện đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí: “*Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu...*”. Quy định này có thể dẫn đến ba cách hiểu với ba mức độ bảo hộ khác nhau:

- Mức độ 1: Sản phẩm phải đồng thời đáp ứng được ba yếu tố: Có danh tiếng, chất lượng và đặc tính;

- Mức độ 2: Sản phẩm phải đáp ứng được hai trong ba yếu tố: Có danh tiếng và chất lượng hoặc có danh tiếng và đặc tính chủ yếu;

- Mức độ 3: Sản phẩm chỉ cần đáp ứng được một trong ba yếu tố: Có danh tiếng hoặc có chất lượng hoặc có đặc tính chủ yếu.

Điều 81 Luật sở hữu trí tuệ có thể coi là quy định làm rõ các yếu tố: danh tiếng, chất lượng, đặc tính được đề cập tại khoản 2 Điều 79. Điều 81 không tách bạch thành ba khoản mà chỉ có hai khoản: Khoản 1 đề cập danh tiếng và khoản hai là chất lượng, đặc tính của sản phẩm. Chất lượng, đặc tính của sản phẩm đều là những yếu tố xác định tính chất riêng biệt của sản phẩm, vì vậy, sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí chỉ cần hoặc có chất lượng, hoặc có đặc tính. Còn danh tiếng luôn luôn là điều kiện tiên quyết đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí. Căn cứ vào logic này, có thể hiểu sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí phải đáp ứng được hai tiêu chuẩn tối thiểu: Có danh tiếng và chất lượng (hoặc đặc tính).

Nếu so sánh với pháp luật quốc tế, có thể nhận thấy quy định của Điều 79 không có gì khác biệt nếu không nói là một sự sao chép nguyên mẫu. Nội hàm của khoản 2 Điều 79 hoàn toàn trùng với Điều 22 Hiệp định TRIPs khi Hiệp định này quy định: “*Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí phải có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính*”.<sup>(3)</sup> Tinh thần chung của Hiệp định TRIPs là Hiệp định chỉ quy định tiêu chuẩn bảo hộ tối thiểu, các quốc gia thành viên hoàn toàn có khả năng nâng cao mức độ bảo hộ và mở rộng phạm vi bảo hộ mà không bị coi là vi phạm Hiệp định này. Điều 2 Quy chế hội đồng 510/2006 của Liên minh châu Âu cũng quy định nông sản, thực phẩm đăng kí chỉ dẫn địa lí “*phải có chất lượng, danh tiếng hoặc các đặc tính khác*”.<sup>(4)</sup>

Chúng tôi cho rằng, nên giải thích khoản 2 Điều 79 theo cách thứ 3, tức là sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí chỉ cần đáp ứng được một trong các yêu cầu: Có chất lượng, danh tiếng hoặc đặc tính bởi các lí do sau:

- Danh tiếng và chất lượng (hay đặc tính) của sản phẩm là những yếu tố luôn luôn song hành và có quan hệ mật thiết. Sản phẩm nếu có chất lượng, tất yếu sẽ có uy tín, danh tiếng. Ngược lại, sản phẩm có danh tiếng đương nhiên phải có chất lượng, đặc tính nhất định. Tuy nhiên, nếu như chất lượng, đặc tính là cái có thể định lượng, xác định thì danh tiếng lại là một yếu tố mang tính chất định tính, khó xác định. Vì vậy, nếu tách bạch các yếu tố này và buộc người nộp đơn đăng kí chỉ dẫn địa lí phải chứng minh sản phẩm có đầy đủ các yếu tố: chất lượng (đặc tính) và cả danh tiếng sẽ gây khó khăn cho việc đăng kí bảo hộ.

- Xuất phát từ thực trạng bảo hộ chỉ dẫn địa lí ở Việt Nam hiện nay, mặc dù Việt Nam có nhiều tiềm năng để phát triển chỉ dẫn địa lí nhưng số lượng sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lí chiếm số lượng quá ít ỏi. Nhiều sản phẩm của Việt Nam đã có danh tiếng từ lâu nhưng các nhà sản xuất gặp khó khăn trong việc chứng minh sản phẩm có tính chất, chất lượng đặc thù; ngược lại nhiều sản phẩm có chất lượng nhưng chưa có danh tiếng rộng rãi. Chúng tôi cho rằng để nâng cao khả năng được bảo hộ cho các chỉ dẫn địa lí của Việt Nam nên giảm nhẹ điều kiện bảo hộ đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí. Để đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ, sản phẩm chỉ cần có danh tiếng hoặc chất lượng hoặc đặc tính. Sự thừa nhận bảo hộ chỉ dẫn địa lí của cơ quan quản lí nhà nước sẽ là chất xúc tác quan trọng để những sản phẩm này ngày càng nâng cao về chất lượng và danh tiếng, uy tín.

So sánh với quy định của Hiệp định TRIPs cũng như pháp luật quốc gia và khu vực liên minh châu Âu, có thể nhận thấy nếu chúng ta thừa nhận mức độ bảo hộ thấp nhất - sản phẩm chỉ cần đáp ứng được một trong ba tiêu chí: có chất lượng, đặc tính hoặc danh tiếng thì cũng không có gì mâu thuẫn. Trong khi Hiệp định TRIPs được coi là sự áp đặt các điều kiện bảo hộ của các nước phát triển đối với những nước đang phát triển, buộc các nước này phải nâng cao hiệu quả bảo hộ để đáp ứng tiêu chuẩn tối thiểu trong Hiệp định TRIPs thì tại sao một nước đang phát triển như Việt Nam lại phải đặt ra những điều kiện bảo hộ cao hơn nữa. Hay như liên minh châu Âu - nơi có lịch sử phát triển chỉ dẫn địa lí rất lâu đời với những đòi hỏi rất cao về chất

lượng hàng hóa, đặc biệt là những tiêu chuẩn nghiêm ngặt liên quan đến sức khoẻ và an toàn đối với nông sản thực phẩm nhưng cũng chỉ đặt ra những điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lí không cao hơn Việt Nam.

Với những lí do như trên, chúng tôi cho rằng văn bản hướng dẫn Luật sở hữu trí tuệ cần làm rõ về điều kiện đối với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí theo hướng chỉ cần chứng minh sản phẩm có một trong các yếu tố: danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính.

*Thứ hai:* Có mối quan hệ nhân quả giữa các điều kiện địa lí của nơi xuất xứ và danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính của sản phẩm.

Điều kiện này đòi hỏi người nộp đơn đăng kí chỉ dẫn địa lí phải chứng minh các yếu tố đặc thù của khu vực địa lí đã ảnh hưởng, tác động như thế nào đến chất lượng, đặc tính hoặc danh tiếng của sản phẩm. Đây là yêu cầu vô cùng quan trọng để chỉ dẫn địa lí được bảo hộ. Trên thị trường, những sản phẩm có chất lượng cao và có uy tín rất đa dạng. Nhưng nét đặc thù của những sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí là chất lượng và uy tín của những sản phẩm này có được là do các yếu tố địa lí độc đáo của nơi tạo ra sản phẩm mang lại.

Để chứng minh mối quan hệ này, trước hết, cần phải chỉ ra một cách cụ thể, chi tiết các yếu tố địa lí đặc thù có ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Khoản 1 Điều 82 Luật sở hữu trí tuệ quy định: *“Các điều kiện địa lí liên quan đến chỉ dẫn địa lí là những yếu tố tự nhiên, yếu tố về con người quyết định danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí đó”*.

- Các yếu tố tự nhiên: *“Yếu tố tự nhiên bao gồm yếu tố về khí hậu, thủy văn, địa*

chất, địa hình, hệ sinh thái và các điều kiện tự nhiên khác” (khoản 2 Điều 82). Khí hậu của khu vực địa lí bao gồm các yếu tố về nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, cường độ ánh sáng mặt trời, áp suất không khí... ; Bên cạnh đó, các điều kiện về thủy văn như nguồn nước, sông ngòi...; các điều kiện về địa hình như đồi núi, trung du, đồng bằng hay thung lũng...; điều kiện về địa chất như loại đất đá, khoáng chất... đều có tác động nhất định đến chất lượng sản phẩm, đặc biệt là đối với các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm. Điều này lí giải tại sao có những giống cây khi được trồng ở vùng nhất định thì cho năng suất và chất lượng rất tốt, nhưng khi trồng ở khu vực khác với những điều kiện canh tác và chăm sóc như vậy lại có chất lượng và năng suất kém hơn rất nhiều.

- Các yếu tố về con người: “Yếu tố về con người bao gồm kĩ năng, kĩ xảo của người sản xuất, quy trình sản xuất truyền thống ở địa phương” (khoản 3 Điều 82). Sự khác biệt về chất lượng, đặc tính của sản phẩm còn phụ thuộc vào các kinh nghiệm truyền thống trong việc lựa chọn và chế biến nguyên liệu, phương pháp nuôi trồng hoặc canh tác, phương pháp bảo quản và thu hoạch, cách thức chế biến, quy trình sản xuất... được kế thừa và phát triển qua nhiều thế hệ những người sản xuất tại vùng đó.

Việc xác định và chỉ ra những tính chất đặc biệt mà sản phẩm có được là do các yếu tố môi trường địa lí mang lại cũng là yêu cầu quan trọng khi chứng minh mối quan hệ này. Ở đây, người nộp đơn đăng kí không những phải chứng minh sản phẩm có những tính chất đặc biệt so với sản phẩm đến từ những nơi khác mà còn phải chứng minh những

tính chất đó được quyết định bởi các điều kiện địa lí đặc thù kể trên.

Đối với chỉ dẫn địa lí, Luật sở hữu trí tuệ quy định: “*Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lí của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lí đó quyết định*”. Câu hỏi được đặt ra là pháp luật Việt Nam có đòi hỏi “điều kiện địa lí” phải bao gồm cả yếu tố tự nhiên và con người hay không? Nếu chất lượng, đặc tính hoặc danh tiếng của sản phẩm chỉ liên quan đến yếu tố tự nhiên hoặc chỉ liên quan đến yếu tố con người thì có đáp ứng được tiêu chuẩn bảo hộ không?

Luật sở hữu trí tuệ không hạn chế bảo hộ chỉ dẫn địa lí cho loại sản phẩm, hàng hóa nào. Vì vậy, sản phẩm mang chỉ dẫn địa lí có thể là hàng hóa bất kì, không chỉ nông sản, thực phẩm mà còn có thể là các sản phẩm công nghiệp, thủ công, mỹ nghệ... Đối với các sản phẩm nông nghiệp, chất lượng, đặc tính của nó có thể gắn bó rất chặt chẽ với các điều kiện tự nhiên như: chất đất, nguồn nước, khí hậu... Nhưng đối với các hàng hóa khác như sản phẩm công nghiệp hay thủ công nghiệp thì thường chỉ có mối liên hệ giữa đặc tính của sản phẩm với các yếu tố con người như phương pháp sản xuất, bí quyết kĩ thuật...

Quy chế Hội đồng của Liên minh châu Âu số 510/2006 và Quy chế 1898/2006 (hướng dẫn Quy chế 510/2006) cũng có sự phân biệt rõ ràng giữa điều kiện bảo hộ tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn địa lí. Một trong những điểm khác biệt cơ bản là tên gọi xuất xứ chỉ được bảo hộ nếu như có mối liên quan chặt chẽ, tương tác giữa các điều kiện địa lí (bao gồm cả các yếu



tổ tự nhiên và con người) và chất lượng, đặc tính của sản phẩm trong khi chỉ dẫn địa lí chỉ cần có một tính chất hoặc đặc tính nào đó có liên quan đến nguồn gốc địa lí, có thể là yếu tố tự nhiên hoặc con người.<sup>(5)</sup>

Xu thế chung hiện nay là mở rộng khả năng bảo hộ chỉ dẫn địa lí so với bảo hộ tên gọi xuất xứ. Điều này đồng nghĩa với việc giảm nhẹ tiêu chuẩn bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lí. Vì vậy, theo chúng tôi, điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lí không đòi hỏi phải chứng minh ảnh hưởng của tất cả các điều kiện địa lí (cả tự nhiên và con người) đến đặc tính của sản phẩm mà chỉ cần sản phẩm đó có đặc tính nào đó về chất lượng hoặc có danh tiếng liên quan đến điều kiện địa lí. Như vậy, yêu cầu tối thiểu để bảo hộ chỉ dẫn địa lí là phải chỉ ra được mối liên hệ giữa đặc tính của hàng hoá (về chất lượng, tính chất, hoặc danh tiếng) với điều kiện địa lí (môi trường tự nhiên, con người hoặc kết hợp cả hai yếu tố này).

Theo chúng tôi, quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lí nên có những bổ sung, hướng dẫn thích hợp để có thể tạo điều kiện bảo hộ tối đa, hiệu quả cho các chỉ dẫn địa lí của Việt Nam./.

(1).Nguồn:[http://ec.europa.eu/agriculture/foodquali1\\_en.htm](http://ec.europa.eu/agriculture/foodquali1_en.htm)

(2).Xem: Lanye Zhu, "An Analysis of China's System of Protecting Geographical Indications", Tạp chí châu Á về Luật so sánh - Asian Journal of Comparative Law, 1/2006.

(3).Nguồn:[http://www.wto.org/english/docs\\_e/legal\\_e/27-trips\\_01\\_e.htm](http://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/27-trips_01_e.htm)

(4).Nguồn:[http://ec.europa.eu/agriculture/foodquali1\\_en.htm](http://ec.europa.eu/agriculture/foodquali1_en.htm)

(5).Nguồn:[http://ec.europa.eu/agriculture/foodquali1\\_en.htm](http://ec.europa.eu/agriculture/foodquali1_en.htm)

## **PHÁP LUẬT VỀ DỊCH VỤ LOGISTICS...**

(tiếp theo trang 25)

nước về trình độ phát triển dịch vụ logistics nói chung, trong đó trình độ của hải quan đứng thứ 37, chất lượng cơ sở hạ tầng đứng thứ 60, năng lực vận tải quốc tế đứng thứ 47, năng lực của ngành logistics đứng thứ 56, khả năng kéo và đẩy hàng lên phương tiện vận tải đứng thứ 53, chi phí logistics nội địa đứng thứ 17, khả năng giao hàng đúng hạn đứng thứ 65; đồng thời đứng thứ 2 (sau Ấn Độ) của top 10 trong số các nước thu nhập thấp.<sup>(1)</sup> Trong số các tiêu chí xếp hạng trình độ phát triển dịch vụ logistics nêu trên, Việt Nam bị đánh giá thấp nhất ở tiêu chí khả năng giao hàng đúng hạn, nghĩa là độ tin cậy của hệ thống thương mại và chuỗi cung ứng dịch vụ không cao. Điều này ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và quốc gia, khi mà các thương nhân trên thế giới ngày nay quan tâm đến tiêu chí độ tin cậy trong kinh doanh nhiều hơn là tiêu chí giá rẻ.

Việc hoàn thiện khung pháp luật về dịch vụ logistics phải trên quan điểm cải cách toàn diện. Nếu chỉ hoàn thiện lĩnh vực pháp luật nào đó thì không đủ để vận hành và phát triển dịch vụ logistics - với tư cách là chuỗi cung ứng dịch vụ. Ngoài ra, để phát huy hiệu quả, việc hoàn thiện khung pháp luật về dịch vụ phải đi kèm các cải cách về cơ sở hạ tầng phục vụ cho thương mại, năng lực của các nhà cung cấp dịch vụ logistics của cả khu vực nhà nước lẫn khu vực tư nhân, năng lực của hải quan và các cơ quan khác trong hoạt động thông quan ở biên giới, môi trường kinh doanh, minh bạch hoá chính sách và phòng chống tham nhũng.../.